

Phụ lục 01
PHÂN CÔNG ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI TRÊN
ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Quyết định số:185 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

I. QUY HOẠCH

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Chỉ tiêu theo vùng		
				Các xã khu vực II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Các xã còn lại	Sở, ngành phụ trách tiêu chí
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã ¹ được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Đạt		Sở Xây dựng
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Đạt		

II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Chỉ tiêu theo vùng		
				Các xã khu vực II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Các xã còn lại	Sở, ngành phụ trách tiêu chí
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	%	100%		Sở Xây dựng
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo	%	≥80%	100%	Sở Xây dựng

⁽¹⁾ Quy hoạch chung xây dựng xã phải đáp ứng các yêu cầu về thực hiện: Cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với ứng phó với biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa của các xã ven đô và bảo vệ môi trường nông thôn; khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn (hạ tầng khu sơ chế, chế biến, trung chuyển nguyên liệu và sản phẩm nông nghiệp) phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Chỉ tiêu theo vùng		
				Các xã khu vực II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Các xã còn lại	Sở, ngành phụ trách tiêu chí
		ô tô đi lại thuận tiện quanh năm				
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm		100% (60% được cứng hóa)	100% (80% được cứng hóa)	Sở Xây dựng
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm		≥60%	≥70%	Sở Xây dựng
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên		Đạt		Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Đạt		
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Đạt		Sở Công Thương
		4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	%	≥95%	≥98%	
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định	Đạt	- Xã có hơn 3 trường: 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất(CSVC) tối thiểu, trong đó ≥70% đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1. - Xã có từ 03 trường trở xuống: 100% đạt tiêu chuẩn CSVC tối thiểu, trong đó ≥50% đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1.		Sở Giáo dục và Đào tạo
6	Cơ sở vật chất văn hoá	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Đạt	Đạt		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Chỉ tiêu theo vùng		
				Các xã khu vực II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Các xã còn lại	Sở, ngành phụ trách tiêu chí
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định ²	Đạt	Đạt		
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	%	100%		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt	Đạt		Sở Khoa học và Công nghệ
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt	Đạt		Sở Khoa học và Công nghệ
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Đạt	Đạt		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt	Đạt		Sở Khoa học và Công nghệ
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Không		Sở Xây dựng
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	%	≥75%		

⁽²⁾ Điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em của xã phải đảm bảo điều kiện và có nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em.

III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		ĐVT	Chỉ tiêu theo vùng		
					Các xã khu vực II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Các xã còn lại	Sở, ngành phụ trách tiêu chí
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)	Năm 2021	Tr.đ	≥ 36	≥ 41	Chi cục Thống kê tỉnh
			Năm 2022	Tr.đ	≥ 39	≥ 44	
			Năm 2023	Tr.đ	≥ 42	≥ 47	
			Năm 2024	Tr.đ	≥ 45	≥ 50	
			Năm 2025	Tr.đ	≥ 48	≥ 53	
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025		%	$\leq 13\%$	$\leq 8,5\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		%	$\geq 70\%$		Sở Nội vụ
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		%	$\geq 20\%$		
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã, hoặc xã có Tổ hợp tác hoạt động hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật và có hợp đồng hợp tác, tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương		Đạt	Đạt		Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững		Đạt	Đạt		Sở Nông nghiệp và Môi trường
		13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương		Đạt	100% sản phẩm chủ lực có hồ sơ thực hiện truy xuất nguồn gốc (trong đó có ít nhất 01 sản phẩm được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Chỉ tiêu theo vùng		
				Các xã khu vực II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Các xã còn lại	Sở, ngành phụ trách tiêu chí
		13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường	Đạt	Đạt		
		13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	Đạt	Đạt		

IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Chỉ tiêu theo vùng		
				Các xã khu vực II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Các xã còn lại	Sở, ngành phụ trách tiêu chí
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ	Đạt	- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. - Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2. - Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1: ≥98%. - Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2. - Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. - Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá/xếp loại: Khá.		Sở Giáo dục và Đào tạo
		14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)		≥70%		
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	%	≥90%		Bảo hiểm xã hội Khu vực XXVI
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt		Sở Y tế

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		ĐVT	Chỉ tiêu theo vùng		
					Các xã khu vực II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Các xã còn lại	Sở, ngành phụ trách tiêu chí
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)		%	≤26,5%		
		15.4. Xã triển khai thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử		Đạt	Đạt		
16	Văn hoá	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới		%	70%		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	Xã không thuộc khu vực III	%	≥30% (trong đó ≥10% từ hệ thống cấp nước tập trung (nếu có) ¹)		Sở Nông nghiệp và Môi trường
			Xã khu vực III		≥20% (trong đó ≥5% từ hệ thống cấp nước tập trung (nếu có) ²)		
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường		%	≥90%		Sở Nông nghiệp và Môi trường
		17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung		Đạt	Đạt		Sở Nông nghiệp và Môi trường

¹Đối với xã có công trình cấp nước tập trung có công suất thiết kế $\geq 10,0\%$; trường hợp xã có công trình cấp nước tập trung nhưng công suất thiết kế $< 10,0\%$ hoặc không có công trình cấp nước tập trung thì không áp dụng tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống công trình cấp nước tập trung.

²Đối với xã có công trình cấp nước tập trung có công suất thiết kế $\geq 5,0\%$; trường hợp xã có công trình cấp nước tập trung nhưng công suất thiết kế $< 5,0\%$ hoặc không có công trình cấp nước tập trung thì không áp dụng tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống công trình cấp nước tập trung.

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Chỉ tiêu theo vùng		
				Các xã khu vực II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Các xã còn lại	Sở, ngành phụ trách tiêu chí
		17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	≥2m ² / người	Đạt		Sở Nông nghiệp và Môi trường
		17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt	Đạt		Sở Xây dựng
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	%	≥70%		Sở Nông nghiệp và Môi trường
		17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	%	100%		Sở Nông nghiệp và Môi trường
		17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch ³	%	≥70%		Sở Y tế
		17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường.	%	≥60%		Sở Nông nghiệp và Môi trường
		17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	%	100%		Sở Y tế
		17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.	%	≥30%		Sở Nông nghiệp và Môi trường

⁽³⁾ Đảm bảo 3 sạch, gồm: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ (theo nội dung cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” do Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động).

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Chỉ tiêu theo vùng		
				Các xã khu vực II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Các xã còn lại	Sở, ngành phụ trách tiêu chí
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định.	%	≥30%		

V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Chỉ tiêu theo vùng			
				Các xã khu vực III tại các huyện: Kon Plông, Tu Mơ Rông, Ia H’Drai, Kon Rẫy, Đăk Glei và Sa Thầy	Các xã còn lại	Sở, ngành phụ trách tiêu chí	
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.	Đạt	Đạt		Sở Nội vụ	
		18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.	Đạt	Đạt			
		18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.	%	100%			
		18.4. Tiếp cận pháp luật.	a) Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và đảm bảo thi hành Hiến pháp và Pháp luật trên địa bàn	Đạt	Đạt		Sở Tư pháp
			b) Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật.				
			c) Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý.				
18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội.	Đạt	Đạt		Sở Nội vụ			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Chỉ tiêu theo vùng		
				Các xã khu vực III tại các huyện: Kon Plông, Ia H'Drai, Kon Rẫy, Đăk Gleih và Sa Thầy	Các xã còn lại	Sở, ngành phụ trách tiêu chí
		18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn.	Đạt	Đạt		Văn phòng điều phối chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng.	Đạt	Đạt		Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
		19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.	Đạt	Đạt		Công an tỉnh